

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày

tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung
xã Mường Bám, tỉnh Sơn La đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định về định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2025 - 2030;

Theo đề nghị của UBND xã Mường Bám tại Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 31/12/2025; Báo cáo thẩm định số 1396/BC-SXD ngày 29/12/2025; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 34/BC-VPUB ngày 15/01/2026 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã Mường Bám, tỉnh Sơn La đến năm 2045 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

1.1. Vị trí lập quy hoạch

- Phía Bắc giáp: Tỉnh Điện Biên
- Phía Nam giáp: Xã Bó Sinh, tỉnh Sơn La và tỉnh Điện Biên
- Phía Đông giáp: Xã Co Mạ và xã Long Hẹ, tỉnh Sơn La
- Phía Tây giáp: Tỉnh Điện Biên

1.2. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

- Đồ án Quy hoạch chung xã Mường Bám, tỉnh Sơn La đến năm 2045 sẽ được lập cho toàn bộ địa giới hành chính của xã Mường Bám, tỉnh Sơn La. Xã Mường Bám là đơn vị hành chính không thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Phạm vi lập quy hoạch chung xã Mường Bám, tỉnh Sơn La đến năm 2045 bao gồm: Toàn bộ địa giới hành chính xã Mường Bám với diện tích tự nhiên là 7.616ha, gồm có 17 bản với 2.029 hộ dân và 10.731 nhân khẩu. Xã cách trung tâm tỉnh Sơn La khoảng 118 km.

- Quy mô lập quy hoạch là 7.616ha, quy mô dân số dự báo từ năm 2025 đến năm 2045 ước khoảng 13.094 người.

2. Quan điểm, mục tiêu của quy hoạch

2.1. Quan điểm lập quy hoạch

Quy hoạch chung xã Mường Bám, tỉnh Sơn La đến năm 2045 phải phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2025-2045; phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch khác có liên quan. Đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực, tính khả thi trong triển khai; đáp ứng các nhu cầu trong giai đoạn hiện nay và tạo nền tảng phát triển cho các giai đoạn kế tiếp. Đánh giá đầy đủ các điều kiện tự nhiên kinh tế, xã hội trong xã, trong tỉnh có tác động trực tiếp đến phát triển của xã, mối liên kết các xã trong khu vực, trong tỉnh, trước hết là kết nối hạ tầng giao thông, quản lý tài nguyên.

2.2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, tiết kiệm trong đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, dịch vụ, xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ, quốc phòng và an ninh, trật tự ổn định, đáp ứng các tiêu chí phát triển bền vững;

- Hoạch định phát triển không gian cảnh quan xã Mường Bám toàn diện đáp ứng các yêu cầu của Chính phủ trong Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Làm cơ sở để triển khai các quy hoạch chi tiết, xây dựng các khu chức năng, thu hút các dự án đầu tư phát triển, chỉnh trang các khu dân cư hiện có, phát triển khu dân cư mới, khu thương mại - dịch vụ.

- Là cơ sở để ưu tiên đầu tư các công trình trọng điểm, có tính chất liên vùng, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; phát triển xã hội dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao.

3. Tính chất/vai trò/chức năng khu vực lập quy hoạch: Phát triển xã Mường Bám có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch thăm quan trải nghiệm, du lịch cộng đồng, phát triển nông thôn theo hướng dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

4.1. Dự báo quy mô dân số: Dự báo dân số của xã đến năm 2045 khoảng 13.094 người (*tỷ lệ tăng dân số trung bình 1%/năm*).

4.2. Dự báo lao động: Dự báo lao động trên địa bàn xã đến năm 2045 chiếm khoảng 70% tổng dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 60%.

(Lưu ý: Trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, dự báo quy mô đất đai có thể xem xét, điều chỉnh phù hợp với mục tiêu phát triển theo đề xuất của các cơ quan liên quan hoặc có những yếu tố tác động mới (điều chỉnh quy hoạch cấp độ cao hơn, đề xuất dự án đầu tư xây dựng, ...).

4.3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan (*Trường hợp trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định chuyển tiếp được quy định hoặc rà soát, thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn mới được ban hành*).

5. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với các nội dung quy hoạch

5.1. Định hướng phát triển kinh tế chủ đạo

5.1.1. Phát triển nông - lâm nghiệp theo hướng hàng hóa, bền vững

Là ngành kinh tế mũi nhọn, tạo ra giá trị gia tăng cao và thu nhập ổn định cho đại đa số người dân Mường Bám.

Phát triển các vùng chuyên canh cây ăn quả và cây công nghiệp đặc sản:

Tập trung vào cây có lợi thế: Tiếp tục mở rộng diện tích và nâng cao chất

lượng các loại cây đã chứng minh hiệu quả như xoài Đài Loan, nhãn ghép, dứa Queen. Nghiên cứu phát triển các cây tiềm năng khác như mắc ca, cà phê, cây dược liệu (sa nhân, thảo quả nếu phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng từng vùng) trên diện tích đất dốc, kém hiệu quả.

Áp dụng khoa học kỹ thuật: Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như giống mới có năng suất, chất lượng cao, quy trình canh tác bền vững theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, sử dụng phân bón hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) để tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng, đạt chuẩn xuất khẩu.

Đầu tư thâm canh: Tăng cường thâm canh, nâng cao năng suất, sản lượng trên một đơn vị diện tích, hạn chế tối đa việc mở rộng diện tích vào đất rừng phòng hộ.

5.1.2. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng hàng hóa

Chăn nuôi trang trại/gia trại: Khuyến khích phát triển các mô hình chăn nuôi trâu, bò, dê theo hướng bán công nghiệp hoặc quy mô gia trại, ứng dụng kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến để tăng trọng lượng, cải thiện chất lượng thịt.

Đa dạng hóa vật nuôi: Phát triển các vật nuôi đặc sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện địa phương như gà đen H'Mông, lợn bản.

Kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh môi trường: Chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh, quy hoạch chuồng trại xa khu dân cư, xử lý chất thải chăn nuôi hiệu quả để đảm bảo vệ sinh môi trường.

5.1.3. Tăng cường chế biến sâu nông, lâm sản

Đầu tư cơ sở sơ chế/chế biến: Khuyến khích và hỗ trợ các hộ gia đình, hợp tác xã đầu tư các thiết bị sơ chế đơn giản tại chỗ như máy sấy, máy rửa, phân loại, đóng gói ban đầu để tăng giá trị sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch.

Thu hút doanh nghiệp chế biến: Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến quy mô nhỏ và vừa tại địa phương hoặc liên kết với các nhà máy ở huyện, tỉnh để chế biến sâu các sản phẩm chủ lực như xoài sấy dẻo, nước ép dứa, cà phê rang xay, tinh dầu từ dược liệu.

5.1.4. Phát triển lâm nghiệp bền vững

Bảo vệ rừng nghiêm ngặt: Duy trì và nâng cao độ che phủ rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, phòng chống cháy rừng và chặt phá rừng trái phép.

Trồng rừng kinh tế: Khuyến khích trồng rừng sản xuất với các loại cây gỗ lớn có giá trị kinh tế cao, cây lâm sản ngoài gỗ (tre, măng, nấm...) gắn với chế biến.

Phát triển kinh tế dưới tán rừng: Khuyến khích các mô hình nuôi ong, trồng dược liệu dưới tán rừng để tăng thêm nguồn thu cho người dân giữ rừng.

5.1.5. Phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ

Song song với nông - lâm nghiệp và du lịch, việc phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp sẽ giúp tạo ra một nền kinh tế đa dạng và vững chắc.

Xây dựng thương hiệu cho nông sản: Hỗ trợ các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng như mứt mật, cà phê đặc sản, gạo nếp nương. Việc này không chỉ tăng giá trị sản phẩm mà còn giúp sản phẩm của xã tiếp cận được các thị trường khó tính hơn.

Phát triển thương mại theo hướng hiện đại: Quy hoạch xây dựng một chợ trung tâm tại khu vực trung tâm xã để các hộ kinh doanh và người dân có nơi giao thương ổn định. Đồng thời, khuyến khích phát triển các dịch vụ như sửa chữa, vận tải, và các dịch vụ phục vụ đời sống hàng ngày, giúp nâng cao chất lượng sống của người dân.

5.1.6. Đầu tư phát triển hạ tầng đồng bộ

Hoàn thiện hệ thống giao thông: Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cứng hóa các tuyến đường trục xã, liên bản, đường giao thông nội đồng, đường sản xuất để thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân.

Đảm bảo cung cấp điện, nước sạch: Nâng cấp lưới điện, đảm bảo điện ổn định cho sản xuất và sinh hoạt.

Đầu tư các công trình cấp nước sạch tập trung, đảm bảo 100% người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Cải thiện hạ tầng thông tin liên lạc: Nâng cao chất lượng sóng di động và truy cập Internet, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa.

5.1.7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đời sống xã hội

Tổ chức các lớp đào tạo nghề ngắn hạn, tập huấn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, kỹ năng làm du lịch, chế biến nông sản cho người dân.

Nâng cao trình độ học vấn chung, đặc biệt là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội:

Tiếp tục triển khai các chương trình, dự án giảm nghèo bền vững, hỗ trợ sinh kế cho các hộ nghèo, cận nghèo.

Đảm bảo các chính sách về y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội.

Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa:

Khuyến khích các hoạt động văn hóa, thể thao, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp.

Xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, đẩy lùi các hủ tục lạc hậu.

5.2. Yêu cầu nghiên cứu định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã

5.2.1. Yêu cầu tổ chức không gian

- Yêu cầu về cân bằng đất đai toàn xã (theo chỉ tiêu đề xuất, chú ý chỉ tiêu sử dụng đất cấp trên huyện, tỉnh đối với xã).

- Xác định được cơ cấu chung của các khu chức năng: Khu vực đất sản xuất, đất xây dựng, các khu vực trung tâm xã và hệ thống dân cư bản. Các vùng

hạn chế xây dựng, vùng cấm xây dựng, vùng cần bảo tồn

- Quan điểm về bố cục không gian kiến trúc toàn xã chủ yếu về:

Chọn đất phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã;

+ Tổ chức mạng lưới và các không gian chức năng xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã;

+ Bố cục không gian các khu vực trọng tâm, các tuyến, các điểm nhấn và các điểm nhìn quan trọng;

+ Tập trung nghiên cứu, nêu được hướng cơ cấu phát triển của xã theo các không gian sản xuất (nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp...), sinh sống (khu vực ở); khu trung tâm (trung tâm xã, trung tâm - dịch vụ - thương mại,...);

+ Các khu dân cư (đơn vị ở cấp bản) có khả năng phát triển mới hoặc cải tạo, chỉnh trang mà công tác lập quy hoạch cần nghiên cứu. Các yêu cầu chủ yếu về tổ chức và bảo vệ cảnh quan;

+ Xác định sơ bộ các vùng, khu vực đặc trưng cần kiểm soát về mặt phát triển (liên quan đến đất nông nghiệp – lúa nước; đất rừng; hoặc đất hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, tỉnh,...).

- Lưu ý: Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã là căn cứ để triển khai các quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất. Do vậy, cần dự tính khả năng tác động qua lại của các bước quy hoạch, nhằm xác định nhu cầu tổ chức không gian phù hợp với thực tiễn và với yêu cầu quản lý của từng ngành, theo từng giai đoạn phát triển của xã.

5.2.2. Yêu cầu nghiên cứu Quy hoạch không gian xã và quy hoạch xây dựng tập trung nêu các yêu cầu

- Trong định hướng quy hoạch xây dựng, xác định giải pháp tổ chức không gian kiến trúc hệ thống trung tâm xã, công trình công cộng và dịch vụ, hệ thống các bản, các điểm dân cư nông thôn tập trung. Nêu định hướng giải pháp tổ chức không gian ở, các quy định về kiến trúc, màu sắc, hướng dẫn cải tạo nhà, tường rào, cổng, phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, kiến trúc, vật liệu truyền thống của địa phương.

- Xác định các khu vực có khả năng phát triển, hạn chế phát triển, không phát triển, khu bảo vệ và các nhu cầu khác;

- Xác định phân bố hệ thống dân cư thôn, bản: xác định quy mô dân số, hệ thống dân cư các thôn, khu dân cư mới; các chỉ tiêu về đất đai và hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường của từng khu vực; định hướng cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp các công trình giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ tại từng thôn, hoặc cụm thôn.

- Xác định ranh giới, quỹ đất xây dựng trung tâm xã, vị trí, quy mô diện tích, quy mô xây dựng; yêu cầu, các chỉ tiêu cơ bản của các công trình công cộng, dịch vụ và cây xanh được xây dựng mới hoặc cải tạo như các công trình giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ cấp xã phù hợp với

khả năng, đặc điểm, yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của xã theo từng giai đoạn quy hoạch. Các chỉ tiêu về quy hoạch đất đai, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trung tâm xã.

5.2.3. Quy hoạch sử dụng đất tập trung nêu các yêu cầu

- Xác định cụ thể diện tích các loại đất trên địa bàn xã đã được cấp huyện phân bổ. Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển, cụ thể: diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất nông nghiệp khác, đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp của xã, đất nghĩa trang, nghĩa địa do xã quản lý, đất sông, suối, đất phát triển hạ tầng của xã và đất phi nông nghiệp khác.

- Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất; mở rộng khu dân cư và phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển du lịch.

- Xác định diện tích những loại đất khi chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Xác định diện tích các loại đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

5.3. Yêu cầu định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.3.1. Giao thông: Nghiên cứu phát triển kết nối mạng lưới đường giao thông trên địa bàn xã như đường tỉnh, đường xã, đường bản, đường trục nội đồng kết hợp hệ thống kênh mương (hoặc đường lâm sinh kết hợp dân sinh,...); loại mặt cắt các đường; quy hoạch phát triển các công trình phục vụ giao thông như: Bến, bãi....

5.3.2. San nền và thoát nước: Trên cơ sở nghiên cứu sơ bộ thực tế, xác định hình thức tổ chức quy hoạch san nền cho khu vực xây dựng (san nền theo cục bộ theo các hình thức giạt cấp, tổng thể,...). Nguyên tắc nghiên cứu là định hướng cốt nền hạn chế úng ngập và thoát nước thuận lợi cho từng khu chức năng và toàn khu vực; các giải pháp về chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng, xác định cao độ nền không chế cho từng khu vực (tập trung vào các điểm dân cư cấp bản); xác định hướng, mạng và lưu vực thoát nước chính.

5.3.3. Cấp nước: Các giải pháp cơ bản về dự báo nhu cầu dùng nước và lựa chọn nguồn cấp nước sinh hoạt, sản xuất (lưu ý sản xuất nông nghiệp); thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước chính và xác định quy mô các công trình cấp nước (đối với cấp nước tập trung); biện pháp cơ bản về bảo vệ nguồn nước và công trình cấp nước.

5.3.4. Cấp điện: Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn thiết kế; dự báo nhu cầu sử dụng điện và lựa chọn nguồn cấp điện; thiết kế mạng lưới cấp điện: Xác định số lượng, quy mô các trạm biến áp, lưới điện từ trung áp trở lên, hành lang bảo vệ các tuyến điện cao áp đi qua; Lưu ý yêu cầu về quy hoạch hệ thống điện sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp.

5.3.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường: Các chỉ tiêu nước thải, chất thải rắn, đất nghĩa trang; các vấn đề mạng lưới thoát nước và xử lý nước thải; thu gom và công nghệ xử lý chất thải rắn; quản lý, phát triển nghĩa trang nhân dân; các vấn đề về quản lý môi trường khu vực sản xuất nông lâm ngư nghiệp. Nghiên cứu các đề xuất phù hợp thực tiễn địa phương.

5.3.6. Quy hoạch hạ tầng phục vụ sản xuất: Xác định các công trình thủy lợi tưới tiêu cần nâng cấp, sửa chữa, làm mới trong kỳ quy hoạch. Hệ thống giao thông nội đồng phục vụ sản xuất.

5.3.7. Các giải pháp bảo vệ môi trường

- Đánh giá hiện trạng về môi trường tự nhiên về điều kiện khí tượng thủy văn, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất, thay đổi khí hậu, chất lượng nguồn nước, không khí, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn, các vấn đề về dân cư xã hội, văn hóa...

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường khu vực quy hoạch, đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu.

- Đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động rủi ro đối với dân cư, hệ sinh thái tự nhiên, nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch.

- Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

6. Các yêu cầu về Hồ sơ, sản phẩm quy hoạch

- Thành phần hồ sơ, quy cách và định dạng của hồ sơ: Thực hiện theo Điều 2, Điều 12, Phụ lục I và II Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn (*được sửa đổi tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 1 Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025*).

- Số lượng hồ sơ quy hoạch: 07 bộ.

7. Các yêu cầu, nguyên tắc về lấy ý kiến: Thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37 và quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 và các quy định của pháp luật hiện hành.

(Có Thuyết minh nhiệm vụ Quy hoạch chung kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã Mường Bám (cơ quan tổ chức lập quy hoạch):

- Tổ chức lập Đồ án Quy hoạch chung xã Mường Bám, tỉnh Sơn La đến năm 2045 đảm bảo tiến độ, chất lượng và các quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, nội dung, số liệu trình phê duyệt.

- Về dự toán kinh phí lập quy hoạch: Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, UBND xã Mường Bám có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành; không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực, đơn thư, kiến nghị trong quá trình thực hiện.

2. Sở Xây dựng thẩm định nội dung Quy hoạch chung xã Mường Bám, tỉnh Sơn La đến năm 2045 theo các quy định hiện hành; Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh về nội dung, số liệu thẩm định.

3. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn để phục vụ công tác lập Đồ án quy hoạch.

4. Các Sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực ngành phụ trách có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ UBND xã Mường Bám trong việc cung cấp thông tin, số liệu, nội dung phục vụ công tác lập Đồ án quy hoạch.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND xã Mường Bám; Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP; THKT);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, THKT, Giang26b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tiến